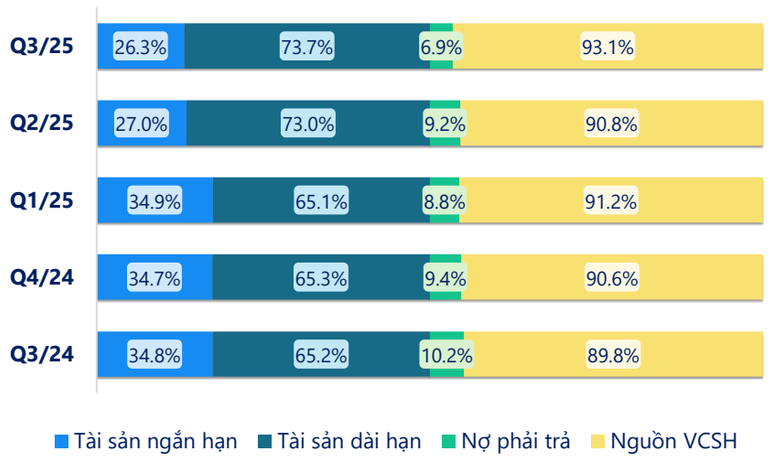
FireAnt

CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,255
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	120
P/E	-7.9
EPS	-762

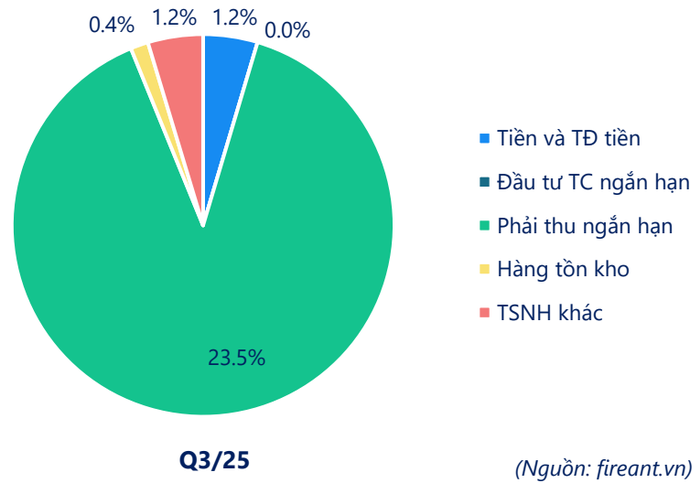
	YTD	1T	3T	6T
MGR	76.5%	11.1%	7.1%	33.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



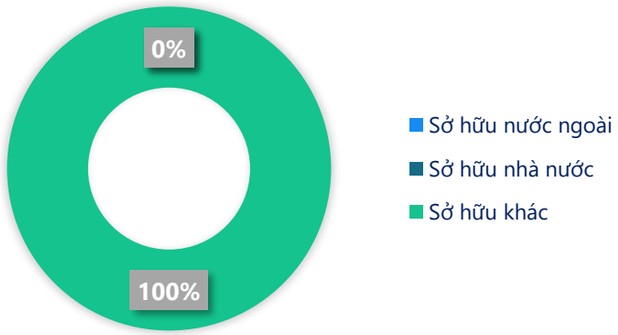
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



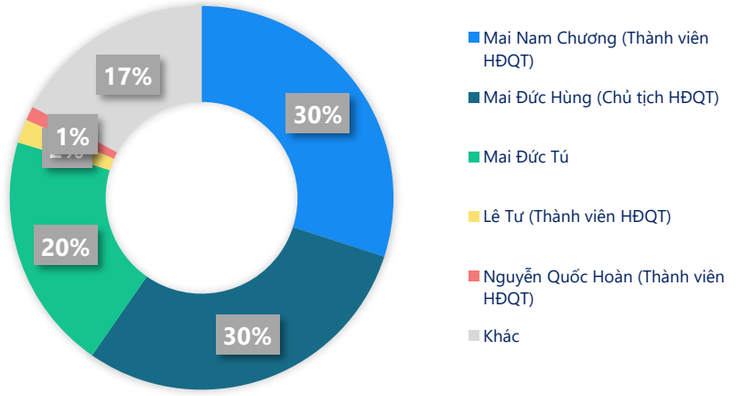
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



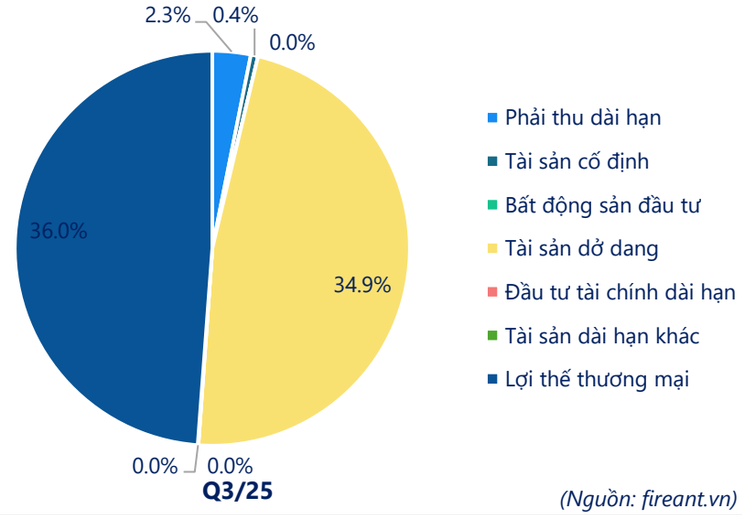
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

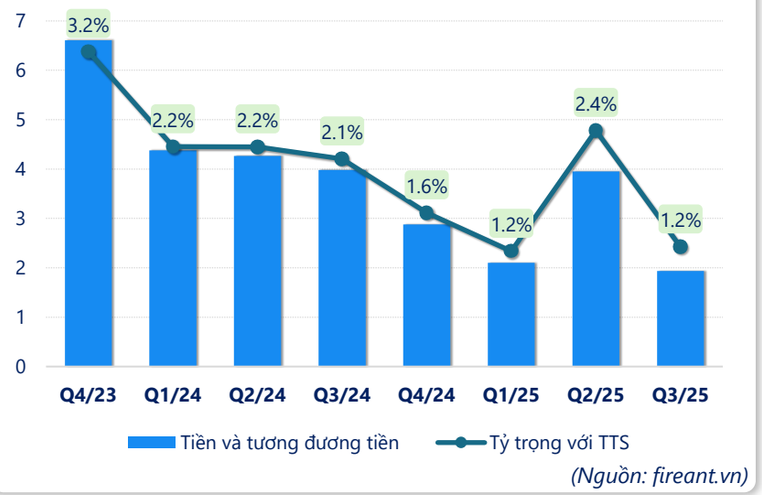


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

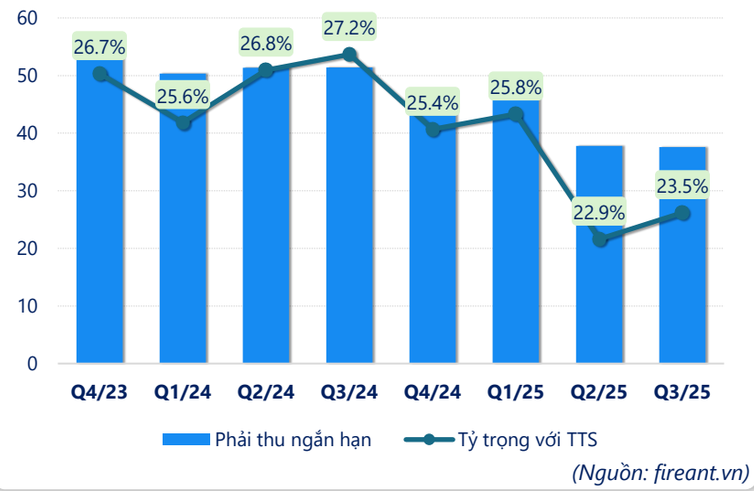
CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Tiền và tương đương tiền



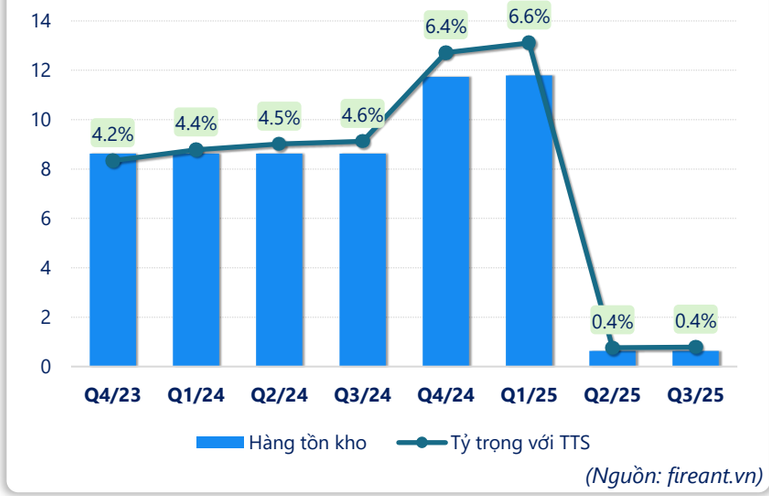
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



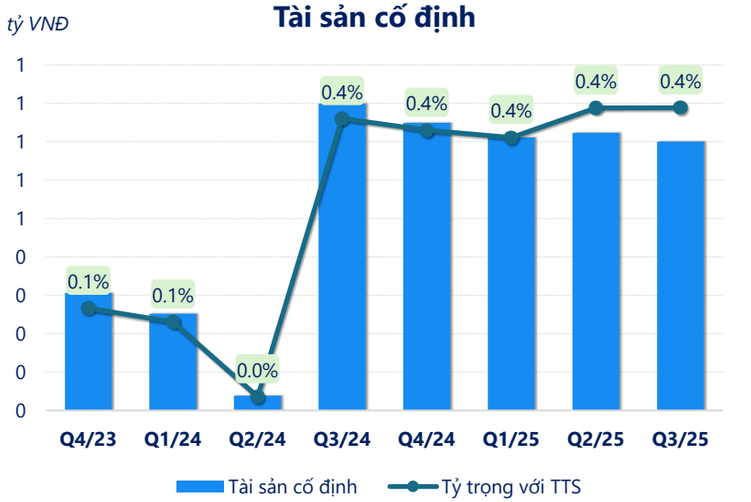
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



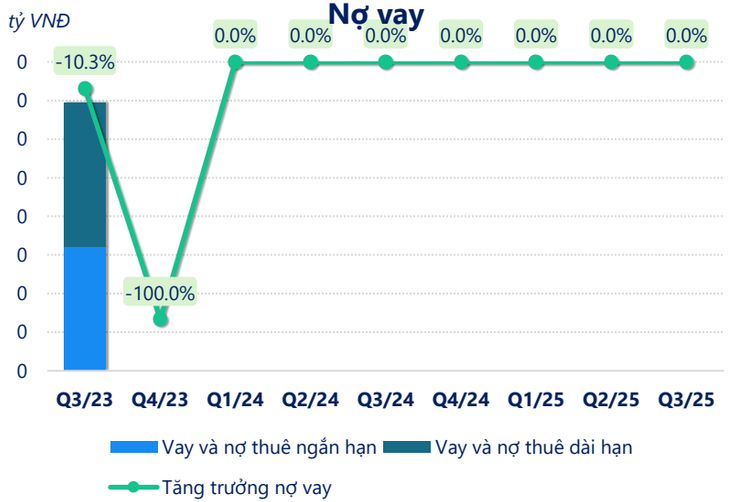
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



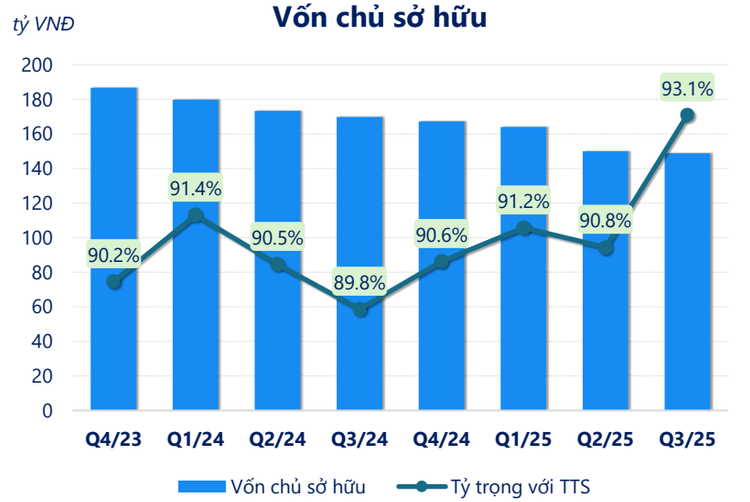
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

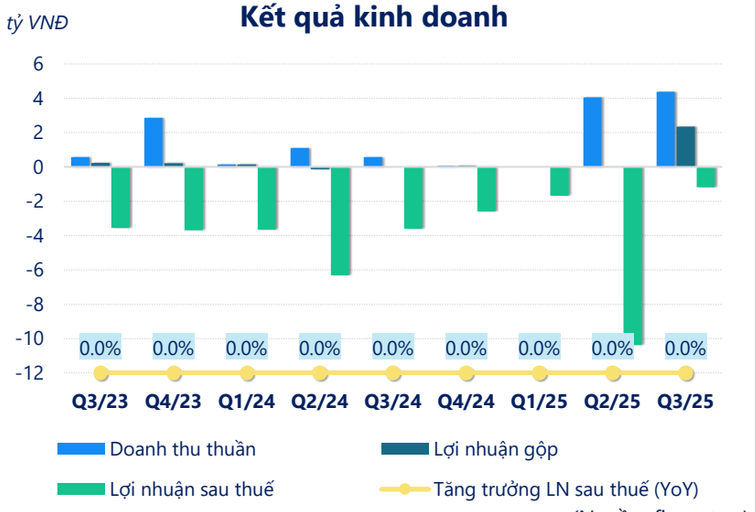


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

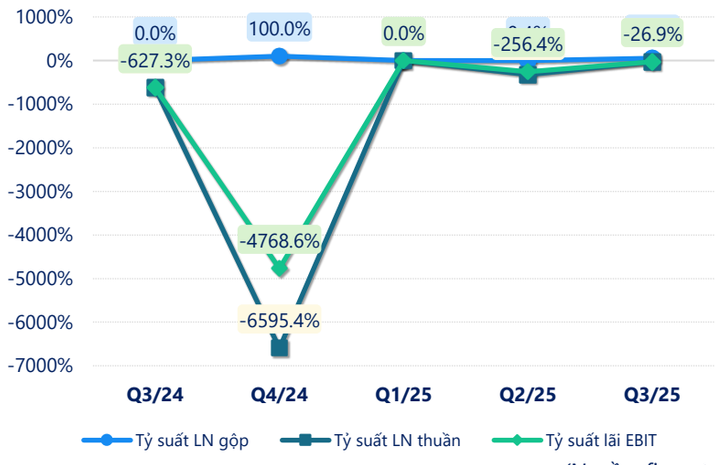
CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

Kết quả kinh doanh



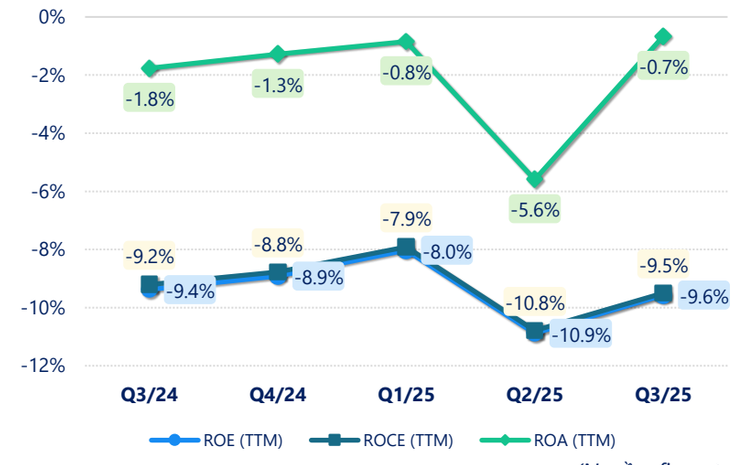
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



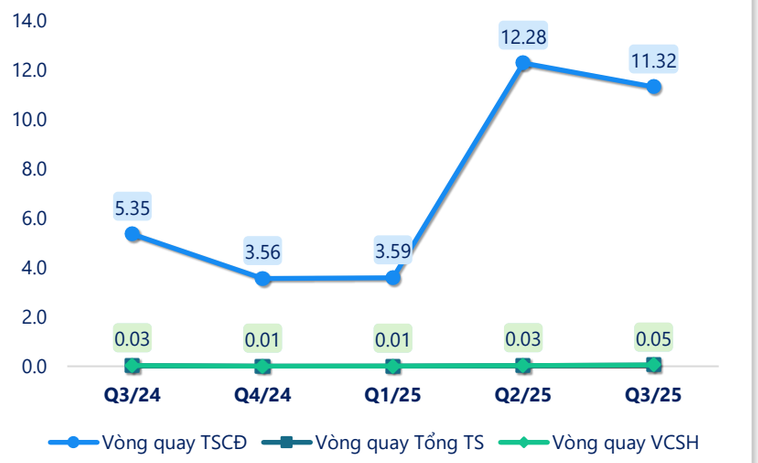
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



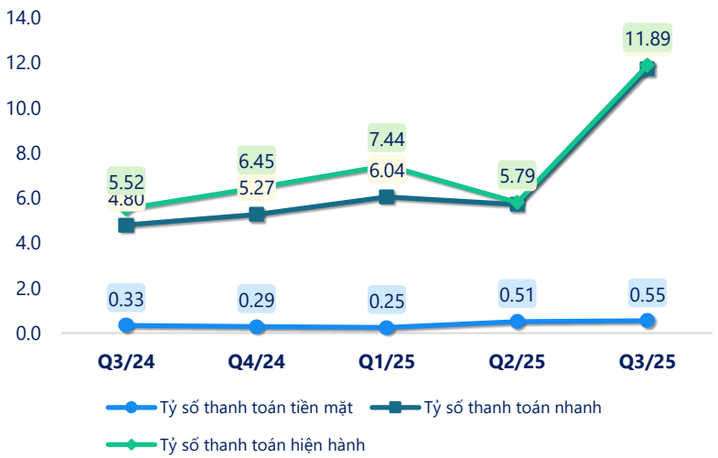
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



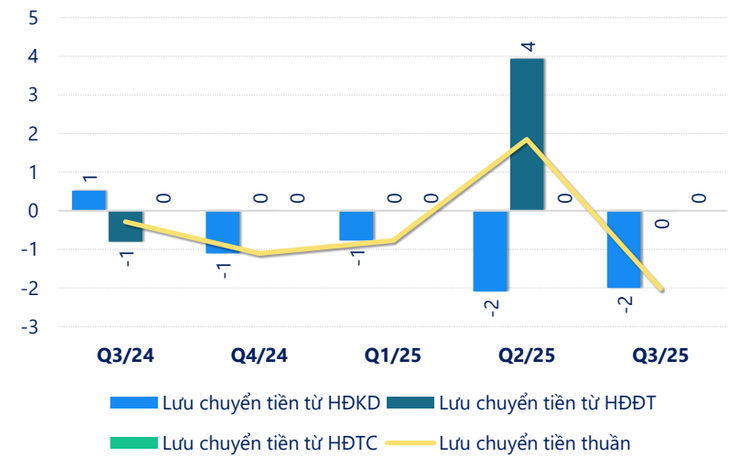
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn MGROUP (UPCOM: MGR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**160**	**184**	**-13.0%**
Tài sản ngắn hạn	42.1	63.8	-34.0%
Tiền và tương đương tiền	1.94	2.88	-32.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	37.6	46.6	-19.4%
Hàng tồn kho	0.63	11.8	-94.6%
Tài sản ngắn hạn khác	1.96	2.50	-21.6%
Tài sản dài hạn	**118**	**120**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	3.69	3.65	1.1%
Tài sản cố định	0.70	0.75	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	55.8	49.6	12.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.06**	**0**	
Lợi thế thương mại	57.5	66.0	-12.9%
Nợ phải trả	11.0	18.0	-38.9%
Nợ ngắn hạn	**3.54**	**10.5**	**-66.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.40	3.71	-62.2%
Nợ dài hạn	7.44	7.44	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**149**	**166**	**-10.2%**
Vốn chủ sở hữu	**149**	**166**	**-10.2%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0.57	0.05	0	4.05	4.38
Giá vốn hàng bán	0.57	0	0	4.03	2.03
Lợi nhuận gộp	0	0.05	0	0.02	2.35
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	9.23	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0.29	0.07
Chi phí QLDN	3.60	3.65	3.55	3.60	3.45
LN thuần từ HĐKD	-3.60	-3.60	-3.55	-13.1	-1.18
Lợi nhuận khác	0	1.00	1.87	2.72	0.00
LN trước thuế	-3.60	-2.60	-1.68	-10.4	-1.18
Lợi nhuận sau thuế	-3.60	-2.60	-1.68	-10.4	-1.18
LNST của CĐ cty mẹ	-3.51	-2.51	-1.60	-9.98	-1.16

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.52	-1.11	-0.77	-2.09	-2.00
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.80	0.00	0.00	3.94	-0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	4.26	3.98	2.88	2.10	3.95
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.28**	**-1.10**	**-0.77**	**1.85**	**-2.01**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.98	2.88	2.10	3.95	1.94

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic